

Số: **45** /19/BHHC-TCHC

V/v: Báo cáo tài chính đã được kiểm toán cho năm
tài chính kết thúc ngày 31/12/2018.

Bắc Hà, ngày **05** tháng 03 năm 2019

**CÔNG BỐ THÔNG TIN TRÊN CỔNG THÔNG TIN ĐIỆN TỬ
CỦA ỦY BAN CHỨNG KHOÁN NHÀ NƯỚC**

Kính gửi: - Ủy ban chứng khoán Nhà nước
- Sở giao dịch Chứng khoán Hà Nội

Công ty: **CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY ĐIỆN BẮC HÀ**
Địa chỉ: Thôn Lùng Xa, xã Cốc Ly, huyện Bắc Hà, tỉnh Lào Cai.
Điện thoại: 0214 6294668

Người thực hiện công bố thông tin: Ông **Nguyễn Văn Thập**

Địa chỉ: Thôn Lùng Xa, xã Cốc Ly, huyện Bắc Hà, tỉnh Lào Cai.

Điện thoại: 0983078545

Loại công bố thông tin:

| | |
|-------------------------------------|--------------|
| <input type="checkbox"/> | 24 giờ |
| <input type="checkbox"/> | 72 giờ |
| <input type="checkbox"/> | Bất thường |
| <input checked="" type="checkbox"/> | Theo yêu cầu |
| <input checked="" type="checkbox"/> | Định kỳ |

Nội dung công bố thông tin:

Báo cáo tài chính đã được kiểm toán cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018.

Thông tin này đã được công bố trên trang thông tin điện tử của Công ty cổ phần thủy điện Bắc Hà ngày 05/03/2019 tại đường dẫn: <http://www.thuydienbachalaocai.com.vn>.

Chúng tôi cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung các thông tin đã công bố.

Trân trọng !

Nơi nhận:

- Như kính gửi;
- VP HĐQT;
- Lưu TCHC.



NGƯỜI CÔNG BỐ THÔNG TIN

TỔNG GIÁM ĐỐC
Nguyễn Văn Thập

CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY ĐIỆN BẮC HÀ

(Thành lập tại nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam)

BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN

**Cho năm tài chính kết thúc
ngày 31 tháng 12 năm 2018**

MỤC LỤC

| <u>NỘI DUNG</u> | <u>TRANG</u> |
|--------------------------------------|---------------------|
| BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC | 2 |
| BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP | 3 - 5 |
| BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN | 6 - 7 |
| BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH | 8 |
| BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ | 9 |
| THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH | 10 - 24 |



CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY ĐIỆN BẮC HÀ

Thôn Lùng Xa, Xã Cốc Ly, Huyện Bắc Hà, Tỉnh Lào Cai, Việt Nam

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Thủy điện Bắc Hà (gọi tắt là "Công ty") đệ trình báo cáo này cùng với báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Các thành viên của Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc Công ty đã điều hành Công ty trong năm và đến ngày lập báo cáo này gồm:

Hội đồng Quản trị

| | |
|----------------------|----------|
| Ông Đồng Quốc Cường | Chủ tịch |
| Ông Nguyễn Văn Thập | Ủy viên |
| Ông Nguyễn Ngọc Lâm | Ủy viên |
| Ông Nguyễn Cảnh Sơn | Ủy viên |
| Ông Nguyễn Danh Quân | Ủy viên |
| Bà Lê Thị Quỳnh Chi | Ủy viên |
| Ông Phan Thanh Hải | Ủy viên |

Ban Tổng Giám đốc

| | |
|---------------------|-------------------|
| Ông Nguyễn Văn Thập | Tổng Giám đốc |
| Ông Trần Văn Thái | Phó Tổng Giám đốc |
| Ông Lương Quốc Hưng | Phó Tổng Giám đốc |

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập báo cáo tài chính phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2018, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Trong việc lập báo cáo tài chính này, Ban Tổng Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong báo cáo tài chính hay không;
- Lập báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh; và
- Thiết kế và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính hợp lý nhằm hạn chế rủi ro và gian lận.

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng số kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng báo cáo tài chính tuân thủ chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính.

Thay mặt và đại diện cho Ban Tổng Giám đốc,



Nguyễn Văn Thập
Tổng Giám đốc

Ngày 04 tháng 3 năm 2019

Số: 543 /VN1A-HN-BC

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: Các cổ đông
Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc
Công ty Cổ phần Thủy điện Bắc Hà

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần Thủy điện Bắc Hà (gọi tắt là "Công ty"), được lập ngày 04 tháng 3 năm 2019, từ trang 06 đến trang 24, bao gồm Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2018, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh báo cáo tài chính.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính của Công ty theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của Kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, Kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán ngoại trừ của chúng tôi.

0112
ÔN
NHIE
LO
ET
DA

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP (Tiếp theo)

Cơ sở của ý kiến kiểm toán ngoại trừ

- Như trình bày tại Thuyết minh số 8 và Thuyết minh số 22 phần Thuyết minh báo cáo tài chính, Công ty đã nhận được Biên bản kiểm tra, đối chiếu số liệu báo cáo của người nộp thuế ngày 07 tháng 5 năm 2018 của Tổ kiểm toán Tổng hợp thu ngân sách thuộc Đoàn kiểm toán Ngân sách địa phương năm 2017 tại tỉnh Lào Cai về việc Kiểm tra, đối chiếu tình hình thực hiện pháp luật thuế về thuế (Thuế giá trị gia tăng và thuế thu nhập doanh nghiệp). Theo kiến nghị tại Biên bản này, Công ty cần phải điều chỉnh tăng 56.328.738.103 VND tổng lợi nhuận kế toán trước thuế thu nhập doanh nghiệp năm 2017 do điều chỉnh giảm chi phí khấu hao tài sản phần trích vượt mức quy định và lỗi được chuyển đến ngày 31 tháng 12 năm 2017 của Công ty là 47.291.047.480 VND. Tuy nhiên, đến thời điểm phát hành báo cáo này, Công ty vẫn đang trong quá trình làm việc với các bên liên quan về vấn đề kiến nghị nêu trên để xác định rõ chi tiết số liệu cần điều chỉnh vào báo cáo tài chính. Chúng tôi không thể thu thập được đầy đủ các bằng chứng kiểm toán thích hợp về các khoản điều chỉnh này, do đó, chúng tôi không thể xác định liệu có cần thiết phải điều chỉnh các số liệu này hay không.
- Như trình bày tại Thuyết minh số 9 phần Thuyết minh báo cáo tài chính, tại ngày 31 tháng 12 năm 2018, Công ty đang phản ánh khoản phải trả Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Licogi số 18 với số tiền khoảng 13,4 tỷ VND (tại ngày 31 tháng 12 năm 2017 là khoảng 83 tỷ VND). Tuy nhiên, Công ty chưa hạch toán các khoản lãi có thể phát sinh do Công ty chậm thanh toán cho Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Licogi số 18 vì hai bên chưa thống nhất được số liệu. Chúng tôi không thể thu thập được đầy đủ các bằng chứng kiểm toán thích hợp về các khoản lãi có thể phát sinh này, theo đó, chúng tôi không thể xác định liệu có cần thiết phải điều chỉnh các số liệu này hay không.
- Như trình bày tại Thuyết minh số 21 phần Thuyết minh báo cáo tài chính, Công ty hạch toán tiền chậm nộp các khoản thuế (bao gồm thuế giá trị gia tăng và thuế tài nguyên) của các năm trước vào chi phí năm nay với số tiền khoảng 4 tỷ VND. Nếu Công ty thực hiện điều chỉnh hồi tố số liệu so sánh theo Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 29 - "Thay đổi chính sách kế toán, ước tính kế toán và các sai sót" thì trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh: khoản mục "Chi phí khác" năm nay sẽ giảm khoảng 4 tỷ VND và "Lợi nhuận kế toán trước thuế" năm nay sẽ tăng với số tiền tương ứng, trên bảng cân đối kế toán: khoản mục "Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước" đầu năm sẽ tăng khoảng 4 tỷ VND và khoản mục "Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối" đầu năm sẽ giảm với số tiền tương ứng.

Ý kiến kiểm toán ngoại trừ

Theo ý kiến của chúng tôi, ngoại trừ các ảnh hưởng của các vấn đề nêu tại đoạn "Cơ sở của ý kiến kiểm toán ngoại trừ", báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2018, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

500
3 T
M HỮ
ITT
NAI
TP.

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP (Tiếp theo)

Vấn đề cần nhấn mạnh

Như trình bày tại Thuyết minh số 2 phần Thuyết minh báo cáo tài chính, tại ngày 31 tháng 12 năm 2018, nợ ngắn hạn của Công ty vượt quá tài sản ngắn hạn với số tiền khoảng 76,8 tỷ VND (tại ngày 31 tháng 12 năm 2017 khoảng 230,1 tỷ VND). Dấu hiệu này cho thấy sự tồn tại của yếu tố không chắc chắn trọng yếu có thể dẫn đến nghi ngờ về khả năng hoạt động liên tục của Công ty. Các kế hoạch của Ban Tổng Giám đốc liên quan đến vấn đề này được trình bày tại Thuyết minh số 2. Báo cáo tài chính kèm theo chưa bao gồm bất kỳ điều chỉnh nào có thể có phát sinh từ kết quả của sự kiện không chắc chắn này.

Ý kiến kiểm toán ngoại trừ của chúng tôi không liên quan đến vấn đề này.



Khúc Thị Lan Anh

Phó Tổng Giám đốc

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề
kiểm toán số 0036-2018-001-1

CÔNG TY TNHH DELOITTE VIỆT NAM

Ngày 04 tháng 3 năm 2019
Hà Nội, CHXHCN Việt Nam

Nguyễn Tiến Quốc

Kiểm toán viên

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề
kiểm toán số 3008-2019-001-1

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2018

Đơn vị: VND

| TÀI SẢN | Mã số | Thuyết minh | Số cuối năm | Số đầu năm |
|---|--------------|--------------------|--------------------------|--------------------------|
| A. TÀI SẢN NGẮN HẠN | 100 | | 82.828.888.164 | 73.983.184.221 |
| I. Tiền | 110 | 4 | 49.685.878.257 | 1.499.653.678 |
| 1. Tiền | 111 | | 49.685.878.257 | 1.499.653.678 |
| II. Các khoản phải thu ngắn hạn | 130 | | 32.871.030.515 | 72.483.530.543 |
| 1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng | 131 | 5 | 16.752.231.982 | 57.754.496.821 |
| 2. Trả trước cho người bán ngắn hạn | 132 | 6 | 5.308.584.637 | 5.255.236.437 |
| 3. Phải thu ngắn hạn khác | 136 | 7 | 10.810.213.896 | 9.473.797.285 |
| III. Tài sản ngắn hạn khác | 150 | | 271.979.392 | - |
| 1. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước | 153 | 10 | 271.979.392 | - |
| B. TÀI SẢN DÀI HẠN | 200 | | 1.978.548.036.297 | 2.069.250.049.867 |
| I. Tài sản cố định | 220 | | 1.976.722.741.004 | 2.069.013.548.129 |
| 1. Tài sản cố định hữu hình | 221 | 8 | 1.976.722.741.004 | 2.069.013.548.129 |
| - Nguyên giá | 222 | | 2.597.199.491.929 | 2.589.716.833.705 |
| - Giá trị hao mòn lũy kế | 223 | | (620.476.750.925) | (520.703.285.576) |
| III. Tài sản dài hạn khác | 260 | | 1.825.295.293 | 236.501.738 |
| 1. Chi phí trả trước dài hạn | 261 | | 1.825.295.293 | 236.501.738 |
| TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270=100+200) | 270 | | 2.061.376.924.461 | 2.143.233.234.088 |

Các thuyết minh kèm theo là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính này

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (Tiếp theo)

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2018

Đơn vị: VND

| NGUỒN VỐN | Mã số | Thuyết minh | Số cuối năm | Số đầu năm |
|---|------------|-------------|--------------------------|--------------------------|
| C. NỢ PHẢI TRẢ | 300 | | 1.391.034.011.700 | 1.526.054.819.019 |
| I. Nợ ngắn hạn | 310 | | 159.697.020.880 | 304.168.644.367 |
| 1. Phải trả người bán ngắn hạn | 311 | 9 | 22.043.406.621 | 160.496.722.057 |
| 2. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước | 313 | 10 | 11.141.085.296 | 30.415.540.244 |
| 3. Phải trả người lao động | 314 | | 1.034.636.760 | 993.285.155 |
| 4. Chi phí phải trả ngắn hạn | 315 | 11 | 10.601.296.643 | 12.276.979.848 |
| 5. Phải trả ngắn hạn khác | 319 | 12 | 7.872.595.560 | 2.982.117.063 |
| 6. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn | 320 | 13 | 107.004.000.000 | 97.004.000.000 |
| II. Nợ dài hạn | 330 | | 1.231.336.990.820 | 1.221.886.174.652 |
| 1. Chi phí phải trả dài hạn | 333 | 11 | 54.120.000.000 | 54.120.000.000 |
| 2. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn | 338 | 14 | 1.177.216.990.820 | 1.167.766.174.652 |
| D. VỐN CHỦ SỞ HỮU | 400 | | 670.342.912.761 | 617.178.415.069 |
| I. Vốn chủ sở hữu | 410 | 15 | 670.342.912.761 | 617.178.415.069 |
| 1. Vốn góp của chủ sở hữu | 411 | | 660.000.000.000 | 650.000.000.000 |
| - Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết | 411a | | 660.000.000.000 | 650.000.000.000 |
| 2. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối | 421 | | 10.342.912.761 | (32.821.584.931) |
| - Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kể đến cuối năm trước | 421a | | (32.821.584.931) | (95.992.802.895) |
| - Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối năm nay | 421b | | 43.164.497.692 | 63.171.217.964 |
| TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440=300+400) | 440 | | 2.061.376.924.461 | 2.143.233.234.088 |



Tổng Văn Long
Người lập biểu

Ngày 04 tháng 3 năm 2019



Tạ Hồng Diệu
Kế toán trưởng




Nguyễn Văn Thập
Tổng Giám đốc

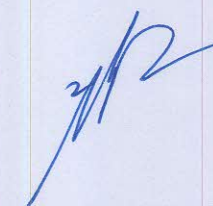
Các thuyết minh kèm theo là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính này

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018


Đơn vị: VND

| CHỈ TIÊU | Mã số | Thuyết minh | Năm nay | Năm trước |
|--|--------------|--------------------|------------------------|------------------------|
| 1. Doanh thu bán hàng | 01 | 16 | 301.093.729.832 | 329.222.107.312 |
| 2. Doanh thu thuần về bán hàng (10=01) | 10 | | 301.093.729.832 | 329.222.107.312 |
| 3. Giá vốn hàng bán | 11 | 17 | 112.363.322.163 | 112.736.467.645 |
| 4. Lợi nhuận gộp về bán hàng (20=10-11) | 20 | | 188.730.407.669 | 216.485.639.667 |
| 5. Doanh thu hoạt động tài chính | 21 | | 696.494.893 | 16.532.527 |
| 6. Chi phí tài chính | 22 | 19 | 131.399.595.025 | 139.622.300.687 |
| - Trong đó: Chi phí lãi vay | 23 | | 130.519.477.266 | 138.302.252.923 |
| 7. Chi phí quản lý doanh nghiệp | 25 | 20 | 9.829.381.705 | 9.956.552.206 |
| 8. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh (30=20+(21-22)-25) | 30 | | 48.197.925.832 | 66.923.319.301 |
| 9. Thu nhập khác | 31 | | 53.533.815 | 183.011.179 |
| 10. Chi phí khác | 32 | 21 | 5.038.941.347 | 3.935.112.516 |
| 11. (Lỗ) khác (40=31-32) | 40 | | (4.985.407.532) | (3.752.101.337) |
| 12. Lợi nhuận kế toán trước thuế (50=30+40) | 50 | | 43.212.518.300 | 63.171.217.964 |
| 13. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành | 51 | 22 | 48.020.608 | - |
| 14. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60=50-51) | 60 | | 43.164.497.692 | 63.171.217.964 |
| 15. Lãi cơ bản trên cổ phiếu | 70 | 23 | 658 | 972 |

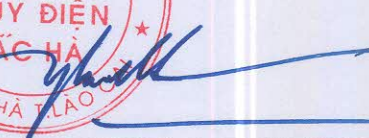


Tổng Văn Long
Người lập biểu

Ngày 04 tháng 3 năm 2019



Tạ Hồng Diệu
Kế toán trưởng



Nguyễn Văn Thập
Tổng Giám đốc

Các thuyết minh kèm theo là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính này

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Đơn vị: VND

| CHỈ TIÊU | Mã số | Năm nay | |
|---|-----------|--------------------------|-------------------------|
| | | Năm nay | Năm trước |
| I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH | | | |
| 1. Lợi nhuận trước thuế | 01 | 43.212.518.300 | 63.171.217.964 |
| 2. Điều chỉnh cho các khoản: | | | |
| - Khấu hao tài sản cố định | 02 | 99.773.465.349 | 98.948.323.550 |
| - Lỗ/(lãi) chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ | 04 | - | 1.320.047.764 |
| - Lãi từ hoạt động đầu tư | 05 | (198.615.160) | (16.532.527) |
| - Chi phí lãi vay | 06 | 130.519.477.266 | 138.302.252.923 |
| 3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động | 08 | 273.306.845.755 | 301.725.309.674 |
| - Thay đổi các khoản phải thu | 09 | 39.157.172.436 | (12.723.169.295) |
| - Thay đổi các khoản phải trả (không bao gồm lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp) | 11 | (13.693.265.369) | 10.163.735.345 |
| - Thay đổi chi phí trả trước | 12 | (1.588.793.555) | 12.695.921 |
| - Tiền lãi vay đã trả | 13 | (132.209.401.753) | (154.036.212.711) |
| - Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp | 15 | (320.000.000) | - |
| Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh | 20 | 164.652.557.514 | 145.142.358.934 |
| II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ | | | |
| 1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác | 21 | (146.115.764.263) | (82.294.469.821) |
| 2. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia | 27 | 198.615.160 | 16.532.527 |
| Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư | 30 | (145.917.149.103) | (82.277.937.294) |
| III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH | | | |
| 1. Tiền thu từ nhận vốn góp của cổ đông | 31 | 10.000.000.000 | - |
| 2. Tiền thu từ đi vay | 33 | 115.087.072.913 | - |
| 3. Tiền trả nợ gốc vay | 34 | (95.636.256.745) | (61.992.000.000) |
| Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính | 40 | 29.450.816.168 | (61.992.000.000) |
| Lưu chuyển tiền thuần trong năm (50=20+30+40) | 50 | 48.186.224.579 | 872.421.640 |
| Tiền đầu năm | 60 | 1.499.653.678 | 627.232.038 |
| Tiền cuối năm (70=50+60) | 70 | 49.685.878.257 | 1.499.653.678 |

Tổng Văn Long
Người lập biểu

Tạ Hồng Diệu
Kế toán trưởng

Nguyễn Văn Thập
Tổng Giám đốc

Ngày 04 tháng 3 năm 2019

Các thuyết minh kèm theo là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính này

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

1. THÔNG TIN KHÁI QUÁT**Hình thức sở hữu vốn**

Công ty Cổ phần Thủy điện Bắc Hà (gọi tắt là "Công ty") là Công ty Cổ phần được thành lập và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 5300240587 ngày 18 tháng 02 năm 2008 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Lào Cai cấp và các giấy chứng nhận kinh doanh điều chỉnh.

Công ty mẹ của Công ty là Tổng Công ty Licogi – Công ty Cổ phần.

Cổ phiếu của Công ty đã được đăng ký và giao dịch trên sàn UPCOM với mã BHA từ ngày 02 tháng 8 năm 2017.

Tổng số nhân viên của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2018 là 83 (ngày 31 tháng 12 năm 2017: 84).

Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính

Ngành nghề kinh doanh của Công ty bao gồm:

- Xây dựng công trình công ích: Chi tiết: Xây lắp các công trình dân dụng, công nghiệp, giao thông, thủy lợi, bưu điện, công trình kỹ thuật hạ tầng đô thị và khu công nghiệp, xây dựng công trình cấp thoát nước; đầu tư kinh doanh các công trình thủy điện nhỏ và vừa;
- Xây dựng các công trình đường dây và trạm biến áp, sản xuất kinh doanh máy móc, thiết bị, vật tư, vật liệu xây dựng;
- Sản xuất truyền tải điện và phân phối điện;
- Tiếp nhận vận tải, vật tư thiết bị;
- Kinh doanh, nuôi trồng thủy sản, trồng rừng;
- Khai thác, lọc nước, phục vụ sinh hoạt, công nghiệp và các mục đích khác;
- Kinh doanh dịch vụ khách sạn du lịch;
- Đầu tư tài chính vào các ngành nghề thuộc lĩnh vực mà Công ty kinh doanh.

Hoạt động chính của Công ty là quản lý và vận hành Nhà máy Thủy điện Bắc Hà.

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường của Công ty được thực hiện trong thời gian không quá 12 tháng.

Thuyết minh về khả năng so sánh thông tin trên báo cáo tài chính

Số liệu so sánh là số liệu của báo cáo tài chính đã được kiểm toán cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017.

2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH VÀ NĂM TÀI CHÍNH**Cơ sở lập báo cáo tài chính**

Báo cáo tài chính kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

1112
CÔNG
NHIỆM
LỢI
TÀI
ĐA.

Báo cáo tài chính kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

Khả năng tiếp tục hoạt động

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2018, nợ ngắn hạn của Công ty vượt quá tài sản ngắn hạn với số tiền khoảng 76,8 tỷ VND (tại ngày 31 tháng 12 năm 2017: khoảng 230,1 tỷ VND). Để đảm bảo khả năng hoạt động liên tục của Công ty, Ban Tổng Giám đốc Công ty đã thận trọng đánh giá và đưa ra kế hoạch trong vòng 12 tháng tới như sau:

- Tiếp tục thực hiện các biện pháp quản lý chặt chẽ, xây dựng hợp lý kế hoạch kinh doanh, phương án sử dụng nguồn lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh và nguồn khấu hao tài sản cố định hàng năm để thanh toán các khoản nợ;
- Kế hoạch kinh doanh năm 2019 của Công ty là lãi khoảng 39,7 tỷ VND. Ban Tổng Giám đốc đánh giá Công ty đang trong lộ trình thực hiện kế hoạch kinh doanh năm 2019.

Theo đó, Ban Tổng Giám đốc đánh giá rằng báo cáo tài chính được lập trên giả định Công ty hoạt động liên tục là phù hợp.

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

Sau đây là các chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính:

Ước tính kế toán

Việc lập báo cáo tài chính tuân thủ theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính yêu cầu Ban Tổng Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập báo cáo tài chính cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Mặc dù các ước tính kế toán được lập bằng tất cả sự hiểu biết của Ban Tổng Giám đốc, số thực tế phát sinh có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

Tiền

Tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ và các khoản tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn.

Nợ phải thu

Nợ phải thu là số tiền có thể thu hồi của khách hàng hoặc các đối tượng khác. Nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng phải thu khó đòi được trích lập cho những khoản nợ phải thu đã quá hạn thanh toán từ sáu tháng trở lên, hoặc các khoản nợ phải thu mà người nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự.

Tài sản cố định hữu hình và khấu hao

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hình thành do mua sắm bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Đối với tài sản cố định hình thành do đầu tư xây dựng cơ bản theo phương thức giao thầu hoặc tự xây dựng và sản xuất, nguyên giá là giá quyết toán công trình xây dựng theo quy chế quản lý đầu tư và xây dựng hiện hành, các chi phí khác có liên quan trực tiếp và lệ phí trước bạ (nếu có). Trường hợp dự án đã hoàn thành và đưa vào sử dụng nhưng quyết toán chưa được phê duyệt, nguyên giá tài sản cố định được ghi nhận theo giá tạm tính trên cơ sở chi phí thực tế đã bỏ ra để có được tài sản cố định. Nguyên giá tạm tính sẽ được điều chỉnh theo giá quyết toán được phê duyệt.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính, cụ thể như sau:

| | Năm nay |
|--------------------------|----------------|
| | Số năm |
| Nhà xưởng, vật kiến trúc | 5 - 45 |
| Máy móc, thiết bị | 12 - 15 |
| Phương tiện vận tải | 12 - 20 |

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Các tài sản đang trong quá trình xây dựng phục vụ mục đích sản xuất, cho thuê quản lý hoặc cho các mục đích khác được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm các chi phí cần thiết để hình thành tài sản bao gồm chi phí xây lắp, thiết bị, chi phí khác có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Công ty. Các chi phí này sẽ được chuyển sang nguyên giá tài sản cố định theo giá tạm tính (nếu chưa có quyết toán được phê duyệt) khi các tài sản được bàn giao đưa vào sử dụng.

Theo quy định về quản lý đầu tư và xây dựng của Nhà nước, tùy theo phân cấp quản lý, giá trị quyết toán các công trình xây dựng cơ bản hoàn thành cần được các cơ quan có thẩm quyền phê duyệt. Do đó, giá trị cuối cùng của các công trình xây dựng cơ bản có thể thay đổi và phụ thuộc vào quyết toán được phê duyệt bởi các cơ quan có thẩm quyền.

Các khoản trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều năm tài chính.

Các khoản chi phí trả trước bao gồm giá trị công cụ, dụng cụ, linh kiện loại nhỏ đã xuất dùng và được coi là có khả năng đem lại lợi ích kinh tế trong tương lai cho Công ty. Các chi phí này được vốn hóa dưới hình thức các khoản trả trước và được phân bổ vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, sử dụng phương pháp đường thẳng theo các quy định kế toán hiện hành.

Ghi nhận doanh thu

Doanh thu bán điện được ghi nhận khi kết quả giao dịch được xác định một cách đáng tin cậy và Công ty có khả năng thu được các lợi ích kinh tế từ giao dịch này. Doanh thu bán điện được ghi nhận khi có biên bản xác nhận lượng điện phát lên lưới điện quốc gia.

Lãi tiền gửi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất áp dụng.

Chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm khi phát sinh.

Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại.

Số thuế phải trả hiện tại được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận trước thuế được trình bày trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chỉ tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính trên các khoản chênh lệch giữa giá trị ghi sổ và cơ sở tính thuế thu nhập của các khoản mục tài sản hoặc công nợ trên báo cáo tài chính và được ghi nhận theo phương pháp bảng cân đối kế toán. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phải được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời còn tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để khấu trừ các khoản chênh lệch tạm thời.

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và chỉ ghi vào vốn chủ sở hữu khi khoản thuế đó có liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi Công ty có quyền hợp pháp để bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và khi các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế và Công ty có dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuận.

Các khoản lỗ tính thuế sẽ được kiểm tra và phê duyệt bởi cơ quan thuế địa phương và có thể được kết chuyển để bù trừ với lợi nhuận tính thuế của Công ty trong thời gian không quá 5 năm kể từ năm phát sinh lỗ.

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

4. TIỀN

| | Số cuối năm VND | Số đầu năm VND |
|---------------------------------|----------------------------------|---------------------------------|
| Tiền mặt | 175.863.908 | 107.448.961 |
| Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn | 49.510.014.349 | 1.392.204.717 |
| | 49.685.878.257 | 1.499.653.678 |

5. PHẢI THU NGẮN HẠN CỦA KHÁCH HÀNG

| | Số cuối năm | Số đầu năm |
|---|-----------------------|-----------------------|
| | VND | VND |
| Công ty Mua bán điện - Tập đoàn Điện lực Việt Nam | 16.752.231.982 | 57.754.496.821 |
| | 16.752.231.982 | 57.754.496.821 |

6. TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

| | Số cuối năm | Số đầu năm |
|--|----------------------|----------------------|
| | VND | VND |
| Công ty Cổ phần LICOGI số 1 | 4.596.020.240 | 4.070.727.740 |
| Các khoản khác | 712.564.397 | 1.184.508.697 |
| | 5.308.584.637 | 5.255.236.437 |
| Trả trước cho người bán là các bên liên quan (Chi tiết tại Thuyết minh số 25) | 4.596.020.240 | 4.070.727.740 |

7. PHẢI THU NGẮN HẠN KHÁC

| | Số cuối năm | Số đầu năm |
|---|-----------------------|----------------------|
| | VND | VND |
| Tạm ứng | 2.794.021.422 | 3.185.067.956 |
| Công ty Mua bán điện - Tập đoàn Điện lực Việt Nam | 7.989.043.700 | 6.261.580.555 |
| Phải thu khác | 27.148.774 | 27.148.774 |
| | 10.810.213.896 | 9.473.797.285 |

8. TĂNG, GIẢM TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH

| | Nhà xưởng, vật kiến trúc | Máy móc, thiết bị | Phương tiện vận tải | Cộng |
|--|-------------------------------------|------------------------------|--------------------------------|--------------------------|
| | VND | VND | VND | VND |
| NGUYÊN GIÁ | | | | |
| Số dư đầu năm | 1.665.722.316.618 | 817.433.375.182 | 106.561.141.905 | 2.589.716.833.705 |
| Quyết toán giá trị công trình hoàn thành | 7.482.658.224 | - | - | 7.482.658.224 |
| Số dư cuối năm | 1.673.204.974.842 | 817.433.375.182 | 106.561.141.905 | 2.597.199.491.929 |
| GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ | | | | |
| Số dư đầu năm | 184.293.660.771 | 292.077.629.404 | 44.331.995.401 | 520.703.285.576 |
| Khấu hao trong năm | 38.204.101.723 | 51.732.377.712 | 9.836.985.914 | 99.773.465.349 |
| Số dư cuối năm | 222.497.762.494 | 343.810.007.116 | 54.168.981.315 | 620.476.750.925 |
| GIÁ TRỊ CÒN LẠI | | | | |
| Tại ngày đầu năm | 1.481.428.655.847 | 525.355.745.778 | 62.229.146.504 | 2.069.013.548.129 |
| Tại ngày cuối năm | 1.450.707.212.348 | 473.623.368.066 | 52.392.160.590 | 1.976.722.741.004 |

Nguyên giá các tài sản cố định đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng tại ngày 31 tháng 12 năm 2018 là 2.172.524.862 VND (tại ngày 31 tháng 12 năm 2017: 2.083.224.862 VND).

Như trình bày tại Thuyết minh số 14, Công ty đã thế chấp toàn bộ giá trị tài sản hình thành từ Dự án xây dựng Nhà máy Thủy điện Bắc Hà với giá trị còn lại tại ngày 31 tháng 12 năm 2018 là 1.976.722.741.004 VND (ngày 31 tháng 12 năm 2017: 2.069.013.548.129 VND) để đảm bảo cho các khoản tiền vay ngân hàng.

Ngày 07 tháng 5 năm 2018, Công ty đã nhận được Biên bản kiểm tra, đối chiếu số liệu báo cáo của người nộp thuế của Tổ kiểm toán Tổng hợp thu ngân sách thuộc Đoàn kiểm toán ngân sách địa phương năm 2017 tại tỉnh Lào Cai về việc Kiểm tra, đối chiếu tình hình thực hiện pháp luật thuế về thuế (Thuế giá trị gia tăng và thuế thu nhập doanh nghiệp). Theo kiến nghị tại Biên bản nêu trên, Công ty cần phải điều chỉnh tăng 56.328.738.103 VND tổng lợi nhuận kế toán trước thuế thu nhập doanh nghiệp năm 2017 do điều chỉnh giảm chi phí khấu hao tài sản phần trích vượt mức quy định. Tuy nhiên, đến thời điểm phát hành báo cáo này, Công ty vẫn đang trong quá trình làm việc với các bên liên quan về vấn đề kiến nghị nêu trên để xác định rõ chi tiết số liệu cần điều chỉnh vào báo cáo tài chính. Theo đó, báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018 của Công ty chưa bao gồm bất kỳ điều chỉnh nào liên quan đến vấn đề này. Công ty sẽ điều chỉnh số liệu kế toán khi có kết quả làm việc cuối cùng với các cơ quan có thẩm quyền.

9. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

| | Số cuối năm | | Số đầu năm | |
|---|-----------------------|-----------------------|------------------------|------------------------|
| | Số có khả năng | | Số có khả năng | |
| | Giá trị | trả nợ | Giá trị | trả nợ |
| | VND | VND | VND | VND |
| Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Licogi số 18 (i) | 13.476.680.203 | 13.476.680.203 | 83.055.860.731 | 83.055.860.731 |
| Công ty Cổ phần Kỹ thuật Nền móng và Xây dựng 20 | 4.532.175.616 | 4.532.175.616 | 15.523.542.808 | 15.523.542.808 |
| Công ty TNHH MTV Cơ khí Đông Anh | 270.111.250 | 270.111.250 | 22.953.111.250 | 22.953.111.250 |
| Công ty Cổ phần Lắp máy điện nước LICOGI | 19.605.439 | 19.605.439 | 3.249.964.946 | 3.249.964.946 |
| Tổng Công ty Cổ phần Điện tử và Tin học Việt | - | - | 9.447.298.134 | 9.447.298.134 |
| Công ty Cổ phần LILAMA 10 | - | - | 6.381.746.185 | 6.381.746.185 |
| Xí nghiệp khảo sát xây dựng điện 1 | - | - | 4.811.590.963 | 4.811.590.963 |
| Công ty Cổ phần LICOGI 14 | - | - | 4.062.612.929 | 4.062.612.929 |
| Công ty Tư vấn điện I | - | - | 2.619.197.375 | 2.619.197.375 |
| Các đối tượng khác | 3.744.834.113 | 3.744.834.113 | 8.391.796.736 | 8.391.796.736 |
| | 22.043.406.621 | 22.043.406.621 | 160.496.722.057 | 160.496.722.057 |
| Phải trả người bán là các bên liên quan (Chi tiết tại Thuyết minh số 25) | 4.821.892.305 | | 41.726.619.004 | |

- (i) Công ty đang phản ánh khoản phải trả Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Licogi số 18 với số tiền khoảng 13,4 tỷ VND (tại ngày 31 tháng 12 năm 2017 là khoảng 83 tỷ VND). Công ty chưa hạch toán các khoản lãi có thể phát sinh do Công ty chậm thanh toán cho Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Licogi số 18 do hai bên chưa thống nhất được số liệu.

10. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI THU/PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

| | <u>Số đầu năm</u> VND | <u>Số phải nộp</u> <u>trong năm</u> VND | <u>Số đã thực nộp</u> <u>trong năm</u> VND | <u>Số cuối năm</u> VND |
|----------------------------|--------------------------|---|--|---------------------------|
| a) Khoản phải thu | | | | |
| Thuế thu nhập doanh nghiệp | - | 48.020.608 | 320.000.000 | 271.979.392 |
| b) Khoản phải trả | | | | |
| Thuế giá trị gia tăng | 14.769.002.649 | 34.508.336.415 | 45.532.108.951 | 3.745.230.113 |
| Thuế thu nhập cá nhân | 57.811.748 | 144.693.415 | 131.021.157 | 71.484.006 |
| Thuế tài nguyên | 11.211.554.258 | 33.059.967.606 | 42.926.401.920 | 1.345.119.944 |
| Thuế bảo vệ môi trường | 4.377.171.589 | 12.158.707.404 | 10.556.627.760 | 5.979.251.233 |
| | 30.415.540.244 | 79.871.704.840 | 99.146.159.788 | 11.141.085.296 |

11. CHI PHÍ PHẢI TRẢ

| | <u>Số cuối năm</u> VND | <u>Số đầu năm</u> VND |
|-----------------------------|---------------------------|--------------------------|
| a. Ngắn hạn | | |
| Lãi vay phải trả | 10.601.296.643 | 12.276.979.848 |
| Chi phí phải trả khác | 10.154.524.438 | 11.844.448.925 |
| | 446.772.205 | 432.530.923 |
| b. Dài hạn | | |
| Lãi vay phải trả ân hạn (i) | 54.120.000.000 | 54.120.000.000 |
| | 54.120.000.000 | 54.120.000.000 |
| | 64.721.296.643 | 66.396.979.848 |

Khoản lãi vay ân hạn của Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn - Chi nhánh Thăng Long với số tiền 54.120.000.000 VND có thời hạn thanh toán vào tháng 12 năm 2020. Khoản lãi vay ân hạn này không bị tính lãi.

12. PHẢI TRẢ NGẮN HẠN KHÁC

| | <u>Số cuối năm</u> VND | <u>Số đầu năm</u> VND |
|---|---------------------------|--------------------------|
| Thuế giá trị gia tăng đầu ra tiền điện tháng 12 (i) | 1.696.382.971 | 2.881.143.901 |
| Công ty Mua bán điện - Tập đoàn Điện lực Việt Nam | 6.081.063.000 | - |
| Các khoản phải trả khác | 95.149.589 | 100.973.162 |
| | 7.872.595.560 | 2.982.117.063 |

(i) Thuế giá trị gia tăng đầu ra của doanh thu bán điện tháng 12 năm 2018 chưa phát hành hóa đơn.

**CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY ĐIỆN BẮC HÀ
THUYẾT MINH BAO CAO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**

MẪU SỐ B 09-DN

13. VAY VÀ NỢ THUÊ TÀI CHÍNH NGẮN HẠN

| | Số đầu năm | | Biến động trong năm | | Số cuối năm | |
|---|-----------------------|-----------------------|------------------------|-----------------------|------------------------|------------------------|
| | Giá trị | Số có khả năng trả nợ | Tăng | Giảm | Giá trị | Số có khả năng trả nợ |
| | VND | VND | VND | VND | VND | VND |
| Vay dài hạn đến hạn trả | 97.004.000.000 | 97.004.000.000 | 105.636.256.745 | 95.636.256.745 | 107.004.000.000 | 107.004.000.000 |
| Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Việt Nam - Chi nhánh Thăng Long | 65.000.000.000 | 65.000.000.000 | 73.632.256.745 | 63.632.256.745 | 75.000.000.000 | 75.000.000.000 |
| Ngân hàng Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Lào Cai | 32.004.000.000 | 32.004.000.000 | 32.004.000.000 | 32.004.000.000 | 32.004.000.000 | 32.004.000.000 |
| | 97.004.000.000 | 97.004.000.000 | 105.636.256.745 | 95.636.256.745 | 107.004.000.000 | 107.004.000.000 |

**CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY ĐIỆN BẮC HÀ
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**

MẪU SỐ B 09-DN

14. VAY VÀ NỢ THUẾ TÀI CHÍNH DÀI HẠN

| | Số đầu năm | | Biến động trong năm | | Số cuối năm | |
|---|--------------------------|---------------------------------|------------------------|-----------------------|--------------------------|---------------------------------|
| | Giá trị VND | Số có khả năng trả nợ VND | Tăng VND | Giảm VND | Giá trị VND | Số có khả năng trả nợ VND |
| Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Việt Nam - Chi nhánh Thăng Long (i) | 853.698.469.787 | 853.698.469.787 | 115.087.072.913 | 63.632.256.745 | 905.153.285.955 | 905.153.285.955 |
| Ngân hàng Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Lào Cai (ii) | 411.071.704.865 | 411.071.704.865 | - | 32.004.000.000 | 379.067.704.865 | 379.067.704.865 |
| | 1.264.770.174.652 | 1.264.770.174.652 | 115.087.072.913 | 95.636.256.745 | 1.284.220.990.820 | 1.284.220.990.820 |

Trong đó:

- Số phải trả trong vòng 12 tháng
(chi tiết xem Thuyết minh số 13)

97.004.000.000

107.004.000.000

- Số phải trả sau 12 tháng

1.167.766.174.652

1.177.216.990.820

- (i) Ngày 30 tháng 10 năm 2006, Công ty ký Hợp đồng tín dụng số 01/HĐTD-BH/2006 với Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam - Chi nhánh Thăng Long với số tiền vay là 844 tỷ VND. Thời hạn vay là 162 tháng kể từ ngày Bên vay nhận được khoản giải ngân đầu tiên theo kế ước nhận nợ. Thời hạn ân hạn là 42 tháng kể từ ngày giải ngân khoản vay đầu tiên. Mức lãi suất áp dụng cho số dư nợ gốc của các khoản vay trong mỗi kỳ hạn tính lãi là tỷ lệ phần trăm theo năm bằng tổng của lãi suất huy động tiết kiệm bình quân và lãi suất biên là 3,6%/năm. Công ty ký Phụ lục hợp đồng tín dụng số 09/PLHD-BH/2015 về việc điều chỉnh lại kỳ hạn tính lãi, cơ cấu điều chỉnh kỳ hạn trả nợ lãi. Ngày 12 tháng 12 năm 2017, Công ty ký Phụ lục hợp đồng tín dụng số 10/PLTD-BH/2017 về việc tăng hạn mức tín dụng, hạn mức tín dụng mới là 1.129.000.000.000 VND.

**CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY ĐIỆN BẮC HÀ
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**

MẪU SỐ B 09-DN

(ii) Khoản vay dài hạn từ Ngân hàng Phát triển Lào Cai theo các hợp đồng sau:

- Hợp đồng vay vốn tín dụng đầu tư phát triển của Nhà nước số 05/2006/HĐTD ngày 27 tháng 12 năm 2006 giữa Ngân hàng Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Lào Cai và Tổng Công ty Xây dựng và Phát triển Hạ tầng; Hợp đồng sửa đổi số 01/2008/HĐSD ngày 09 tháng 7 năm 2008 giữa Ngân hàng Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Lào Cai, Tổng Công ty Xây dựng và Phát triển Hạ tầng và Công ty Cổ phần Thủy điện Bắc Hà; Hợp đồng sửa đổi số 02/2010/HĐSD ngày 23 tháng 11 năm 2010; Hợp đồng sửa đổi, bổ sung Hợp đồng tín dụng đầu tư số 03/2012/HĐSD ngày 29 tháng 6 năm 2012. Các Hợp đồng sửa đổi bổ sung 04/2012/HĐSDBS ngày 03 tháng 7 năm 2012, số 05/2013/HĐSDBS ngày 06 tháng 3 năm 2013 và số 06/2013/HĐTĐT-NHPT ngày 03 tháng 12 năm 2013. Hạn mức tín dụng của Hợp đồng là 156 tỷ VND, cho mục đích đầu tư các hạng mục dự án: phục vụ di dân giải phóng mặt bằng; mua sắm thiết bị sản xuất trong nước gồm đập tràn, cửa nhận nước, đường ống áp lực, cần trục gian máy, cửa dẫn nước ra, tuốc bin phát máy (nếu có) theo đúng nội dung Dự án đầu tư được phép phê duyệt. Thời hạn cho vay là 168 tháng (14 năm) kể từ ngày Bên vay nhận được khoản giải ngân đầu tiên theo kế ước nhận nợ (ngày 31 tháng 10 năm 2007). Thời hạn ân hạn 49 tháng kể từ ngày giải ngân khoản vay đầu tiên. Thời hạn trả nợ gốc 119 tháng, thời điểm bắt đầu trả nợ gốc là tháng 11 năm 2011. Lãi suất nợ trong hạn là 7,8%/năm tính trên dư nợ. Lãi suất quá hạn bằng 150% lãi suất trong hạn (tính trên nợ gốc và lãi chậm trả) là 11,7%/năm.

- Ngày 13 tháng 6 năm 2009, Công ty ký Hợp đồng vay số 02/2009 với Ngân hàng Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Lào Cai với hạn mức tín dụng là 315 tỷ VND cho mục đích đầu tư các hạng mục Dự án Công trình Nhà máy Thủy điện Bắc Hà; thời hạn vay 120 tháng kể từ ngày rút vốn đầu tiên theo kế ước nhận nợ, thời gian ân hạn 24 tháng kể từ ngày rút vốn đầu tiên. Lãi suất nợ trong hạn được áp dụng cho từng lần giải ngân, lãi suất quá hạn bằng 150% lãi suất trong hạn. Công ty tiếp tục ký Hợp đồng sửa đổi bổ sung số 01/2009/HĐSD ngày 10 tháng 9 năm 2009 thay đổi về điều khoản giải ngân của Hợp đồng số 02/2009. Ngày 31 tháng 8 năm 2011, Công ty ký Hợp đồng tín dụng đầu tư bổ sung số 01/2011/HĐTD ĐTB-S-NHPT với các điều khoản vẫn giữ nguyên theo Hợp đồng vay số 02/2009.

Công ty đã thế chấp toàn bộ giá trị tài sản hình thành từ Dự án xây dựng Nhà máy Thủy điện Bắc Hà để đảm bảo cho các khoản tiền vay ngân hàng.

Các khoản vay dài hạn được hoàn trả theo lịch biểu sau:

| | <u>Số cuối năm</u> VND | <u>Số đầu năm</u> VND |
|--------------------------------------|---------------------------|--------------------------|
| Trong vòng một năm | 107.004.000.000 | 97.004.000.000 |
| Trong năm thứ hai | 117.004.000.000 | 107.004.000.000 |
| Từ năm thứ ba đến năm thứ năm | 391.012.000.000 | 376.012.000.000 |
| Sau năm năm | 669.200.990.820 | 684.750.174.652 |
| | 1.284.220.990.820 | 1.264.770.174.652 |
| Trừ: số phải trả trong vòng 12 tháng | 107.004.000.000 | 97.004.000.000 |
| Số phải trả sau 12 tháng | 1.177.216.990.820 | 1.167.766.174.652 |

15. VỐN CHỦ SỞ HỮU

| | Vốn góp của chủ sở hữu VND | (Lỗ) lũy kế/ Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối VND | Công VND |
|----------------------------|----------------------------------|---|------------------------|
| Số dư đầu năm trước | 650.000.000.000 | (95.992.802.895) | 554.007.197.105 |
| Lợi nhuận trong năm | - | 63.171.217.964 | 63.171.217.964 |
| Số dư đầu năm nay | 650.000.000.000 | (32.821.584.931) | 617.178.415.069 |
| Tăng vốn trong năm | 10.000.000.000 | - | 10.000.000.000 |
| Lợi nhuận trong năm | - | 43.164.497.692 | 43.164.497.692 |
| Số dư cuối năm nay | 660.000.000.000 | 10.342.912.761 | 670.342.912.761 |

Vốn điều lệ

Theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh điều chỉnh lần thứ bảy ngày 07 tháng 3 năm 2018, vốn điều lệ của Công ty là 660.000.0000.000 VND. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2018, vốn điều lệ đã được các cổ đông góp đủ như sau:

| Tên cổ đông | Theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh điều chỉnh | | Vốn đã góp | |
|---|---|-------------|------------------------|------------------------|
| | VND | % | Số cuối năm VND | Số đầu năm VND |
| Tổng Công ty Xây dựng và Phát triển Hạ tầng - Công ty Cổ phần | 291.130.830.000 | 44,11% | 291.130.830.000 | 286.576.070.000 |
| Công ty Cổ phần Hưng Doanh Việt | 166.000.000.000 | 25,15% | 166.000.000.000 | 166.000.000.000 |
| Công ty Cổ phần Chứng khoán Bảo Việt | 60.953.620.000 | 9,24% | 60.953.620.000 | 60.000.000.000 |
| Công ty Cổ phần Đầu tư Bắc Hà | 58.500.000.000 | 8,86% | 58.500.000.000 | 58.500.000.000 |
| Công ty TNHH Đầu tư và Kinh doanh Bất động sản Mặt trời Mới | 47.757.620.000 | 7,24% | 47.757.620.000 | 43.266.000.000 |
| Các cổ đông khác | 35.657.930.000 | 5,40% | 35.657.930.000 | 35.657.930.000 |
| | 660.000.000.000 | 100% | 660.000.000.000 | 650.000.000.000 |

Cổ phiếu

Toàn bộ cổ phiếu của Công ty là cổ phiếu phổ thông đang được lưu hành với mệnh giá 10.000 VND/cổ phiếu.

16. DOANH THU BÁN HÀNG

| | Năm nay VND | Năm trước VND |
|--------------------------|------------------------|------------------------|
| Doanh thu điện phát lưới | 301.093.729.832 | 329.222.107.312 |
| | 301.093.729.832 | 329.222.107.312 |

17. GIÁ VỐN HÀNG BÁN

| | Năm nay VND | Năm trước VND |
|-------------------|------------------------|------------------------|
| Giá vốn phát điện | 112.363.322.163 | 112.736.467.645 |
| | 112.363.322.163 | 112.736.467.645 |

18. CHI PHÍ SẢN XUẤT, KINH DOANH THEO YẾU TỐ

| | <u>Năm nay</u> VND | <u>Năm trước</u> VND |
|----------------------------------|-------------------------------|-------------------------------|
| Chi phí nhân công | 16.565.513.113 | 15.591.398.829 |
| Chi phí khấu hao tài sản cố định | 99.773.465.349 | 98.948.323.550 |
| Chi phí dịch vụ mua ngoài | 4.348.096.408 | 4.559.677.454 |
| Chi phí khác bằng tiền | 1.505.628.998 | 3.593.620.018 |
| | <u>122.192.703.868</u> | <u>122.693.019.851</u> |

19. CHI PHÍ TÀI CHÍNH

| | <u>Năm nay</u> VND | <u>Năm trước</u> VND |
|-----------------|-------------------------------|-------------------------------|
| Chi phí lãi vay | 130.519.477.266 | 138.302.252.923 |
| Khác | 880.117.759 | 1.320.047.764 |
| | <u>131.399.595.025</u> | <u>139.622.300.687</u> |

20. CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

| | <u>Năm nay</u> VND | <u>Năm trước</u> VND |
|---------------------------|-----------------------------|-----------------------------|
| Chi phí nhân viên quản lý | 6.805.486.171 | 6.179.244.870 |
| Chi phí bằng tiền khác | 3.023.895.534 | 3.777.307.336 |
| | <u>9.829.381.705</u> | <u>9.956.552.206</u> |

21. CHI PHÍ KHÁC

| | <u>Năm nay</u> VND | <u>Năm trước</u> VND |
|------------------------------------|-----------------------------|-----------------------------|
| Phạt hành chính, chậm nộp thuế (i) | 4.541.378.990 | 2.389.139.482 |
| Khác | 497.562.357 | 1.545.973.034 |
| | <u>5.038.941.347</u> | <u>3.935.112.516</u> |

- (i) Chi phí chậm nộp thuế phản ánh chi phí phạt chậm nộp của các khoản thuế (bao gồm thuế giá trị gia tăng và thuế tài nguyên) theo thông báo của cơ quan thuế. Chi phí chậm nộp thuế này bao gồm khoảng 4 tỷ VND là chi phí chậm nộp thuế của các năm trước.

22. CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH

| | Năm nay VND | Năm trước VND |
|---|-----------------------|-----------------------|
| Lợi nhuận trước thuế | 43.212.518.300 | 63.171.217.964 |
| Điều chỉnh cho thu nhập chịu thuế | - | - |
| <i>Trừ: Thu nhập không chịu thuế</i> | - | - |
| <i>Cộng: Các khoản chi phí không được khấu trừ</i> | 5.038.941.347 | - |
| Chuyển lỗ (*) | 47.291.047.480 | 63.171.217.964 |
| Thu nhập chịu thuế | 960.412.167 | - |
| Thuế suất ưu đãi | 10% | 10% |
| Giảm thuế | 50% | 50% |
| Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên thu nhập chịu thuế năm hiện hành | 48.020.608 | - |
| Tổng chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành | 48.020.608 | - |

(*) Theo Biên bản kiểm tra, đối chiếu số liệu báo cáo của người nộp thuế ngày 07 tháng 5 năm 2018 của Tổ kiểm toán Tổng hợp thu ngân sách thuộc Đoàn kiểm toán Ngân sách địa phương năm 2017 tại tỉnh Lào Cai về việc Kiểm tra, đối chiếu tình hình thực hiện pháp luật thuế về thuế (Thuế Giá trị gia tăng và thuế Thu nhập doanh nghiệp), lỗ được chuyển đến ngày 31 tháng 12 năm 2017 của Công ty là 47.291.047.480 VND. Theo đó, Công ty đã điều chỉnh giảm thu nhập chịu thuế thu nhập doanh nghiệp năm 2018 tương ứng với khoản lỗ được chuyển này.

23. LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU

| | Năm nay | Năm trước |
|---|----------------|----------------|
| Lợi nhuận trong năm (VND) | 43.164.497.692 | 63.171.217.964 |
| Số trích quỹ khen thưởng phúc lợi (VND) | - | - |
| Lợi nhuận để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu | 43.164.497.692 | 63.171.217.964 |
| Số bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu (Cổ phiếu) | 65.557.692 | 65.000.000 |
| Lãi cơ bản trên cổ phiếu (VND/cổ phiếu) | 658 | 972 |

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2018, Công ty chưa có kế hoạch trích quỹ khen thưởng phúc lợi từ lợi nhuận sau thuế cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018. Nếu Công ty trích quỹ khen thưởng, phúc lợi cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018, lãi cơ bản trên cổ phiếu sẽ giảm đi.

24. CAM KẾT THUÊ HOẠT ĐỘNG

Theo Hợp đồng thuê đất số 314/HĐTĐ ngày 09 tháng 9 năm 2008 ký với Ủy ban nhân dân tỉnh Lào Cai, Công ty thuê diện tích 8.568.177 m² đất tại các huyện: Bắc Hà, Mường Khương và Si Ma Cai, tỉnh Lào Cai để xây dựng Nhà máy Thủy điện Bắc Hà. Tiền thuê đất sẽ được thanh toán hàng năm theo đơn giá của cơ quan thuế, thời gian thuê theo Hợp đồng là từ ngày 13 tháng 9 năm 2007 đến ngày 30 tháng 12 năm 2047. Căn cứ vào Quyết định số 1347/QĐ-CT ngày 26 tháng 6 năm 2014 của Cục thuế tỉnh Lào Cai, Công ty được miễn tiền thuê đất từ tháng 9 năm 2007 đến hết tháng 8 năm 2026 tương ứng với số tiền là 90.711.663.000 VND.

25. NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Danh sách các bên liên quan:

| <u>Bên liên quan</u> | <u>Mối quan hệ</u> |
|--|--------------------|
| Tổng Công ty Xây dựng và Phát triển Hạ tầng - Công ty Cổ phần ("Licogi") | Cổ đông lớn |
| Công ty Cổ phần LICOGI 1 | Cùng cổ đông lớn |
| Công ty Cổ phần LICOGI 15 | Cùng cổ đông lớn |
| Công ty Cổ phần Cơ giới và Xây lắp số 9 | Cùng cổ đông lớn |
| Công ty Cổ phần Lắp máy điện nước Licogi | Cùng cổ đông lớn |
| Công ty TNHH MTV Cơ khí Đông Anh | Cùng cổ đông lớn |
| Công ty Cổ phần Kỹ thuật Nền móng và Xây dựng 20 | Cùng cổ đông lớn |

Trong năm, Công ty đã có các giao dịch chủ yếu sau với các bên liên quan:

| | <u>Năm nay</u> <u>VND</u> | <u>Năm trước</u> <u>VND</u> |
|---|------------------------------|--------------------------------|
| Mua hàng | 130.909.092 | 2.168.571.819 |
| Công ty Cổ phần LICOGI 15 | - | 1.972.208.182 |
| Tổng Công ty Xây dựng và Phát triển Hạ tầng - Công ty Cổ phần | 130.909.092 | 196.363.637 |

Số dư chủ yếu với các bên liên quan tại ngày kết thúc năm tài chính:

| | <u>Số cuối năm</u> <u>VND</u> | <u>Số đầu năm</u> <u>VND</u> |
|--|----------------------------------|---------------------------------|
| Trả trước cho người bán | 4.596.020.240 | 4.070.727.740 |
| Công ty Cổ phần LICOGI số 1 | 4.596.020.240 | 4.070.727.740 |
| Công ty Cổ phần LICOGI 15 | - | - |
| Phải trả người bán | 4.821.892.305 | 41.726.619.004 |
| Công ty TNHH MTV Cơ khí Đông Anh | 270.111.250 | 22.953.111.250 |
| Công ty Cổ phần Kỹ thuật Nền móng và Xây dựng 20 | 4.532.175.616 | 15.523.542.808 |
| Công ty Cổ phần Lắp máy điện nước Licogi | 19.605.439 | 3.249.964.946 |
| Chi phí lãi vay phải trả | - | 1.244.609.722 |
| Công ty Cổ phần Cơ giới và Xây lắp số 9 | - | 1.244.609.722 |

Thu nhập của Ban Tổng Giám đốc được hưởng trong năm như sau:

| | <u>Năm nay</u> <u>VND</u> | <u>Năm trước</u> <u>VND</u> |
|----------------------------|------------------------------|--------------------------------|
| Thu nhập Ban Tổng Giám đốc | 1.005.497.959 | 1.005.677.142 |



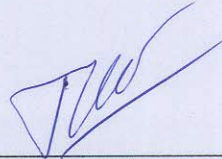
**26. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO LƯU
CHUYỂN TIỀN TỆ**

Tiền chi mua tài sản cố định và chi phí xây dựng cơ bản dở dang trong năm đã bao gồm số tiền 138.816.454.239 VND, là số tiền trả cho người bán dư đầu năm. Vì vậy, một khoản tiền tương ứng đã được điều chỉnh trên phần tăng, giảm các khoản phải trả.



**Tổng Văn Long
Người lập biểu**

Ngày 04 tháng 3 năm 2019



**Tạ Hồng Diệu
Kế toán trưởng**



**Nguyễn Văn Thập
Tổng Giám đốc**